

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



NGUYỄN VĂN ĐÀN

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ
TRONG KINH DOANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Đoàn Đức Lương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài.....	3
6. Những đóng góp mới của luận văn.....	4
7. Kết cấu luận văn.....	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ TRONG KINH DOANH..	5
1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	5
1.1.1. Khái niệm bảo hiểm nhân thọ.....	5
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	6
1.1.3. Phân loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	8
1.2. Khung pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	9
1.2.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	9
1.2.2. Nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	9
1.2.3. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	10
1.3. Những yếu tố tác động đến thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	10
1.3.1. Yếu tố pháp luật.....	10
1.3.2. Yếu tố thực thi pháp luật.....	11
1.3.3. Yếu tố kinh tế, xã hội.....	11
Kết luận chương 1.....	12
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ	12
2.1 Thực trạng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	12
2.1.1. Các quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	12
2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	13
2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.....	14
2.2.1. Về chủ thể của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	14
2.2.2. Về thực hiện nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.....	14
2.2.3. Về xác định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ...14	
2.2.4. Nguyên nhân của những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.....	15
Kết luận chương 2.....	16

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ.....	17
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.	17
3.1.1. Bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hợp đồng	17
3.1.2. Cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.....	17
3.1.3. Đáp ứng yêu cầu khách quan của nền kinh tế và hội nhập quốc tế....	18
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ	18
3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật	18
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ	19
Kết luận chương 3	20
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BHNT	Bảo hiểm nhân thọ
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLTTDS	Bộ luật Tố tụng dân sự
BMBH	Bên mua bảo hiểm
DNBH	Doanh nghiệp bảo hiểm
Điều x.y.z	Điều x Khoản y Điểm z
HĐBH	Hợp đồng bảo hiểm
HĐBHNT	Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
LKDBH	Luật Kinh doanh bảo hiểm
LTM	Luật Thương mại
NĐBH	Người được bảo hiểm

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong nền kinh tế thị trường các hình thức phòng tránh rủi ro ngày càng đa dạng dưới nhiều hình thức khác nhau. BHNT ra đời xuất phát từ nhu cầu bảo vệ người thân thích tránh khỏi những khó khăn, thiếu thốn vật chất do cái chết bất ngờ của người trụ cột gia đình, hoặc để tiết kiệm nhằm đáp ứng các nhu cầu tài chính trong tương lai... Để thỏa mãn được điều đó, đòi hỏi phải xây dựng mối quan hệ bảo hiểm giữa người có nhu cầu (hay gọi là BMBH) và người đáp ứng các nhu cầu (cụ thể là các DNBH) thông qua hình thức pháp lý là hợp đồng. Với sự phát triển ổn định của nền kinh tế, thu nhập của người dân được cải thiện thì hoạt động BHNT càng có điều kiện phát triển, số lượng HĐBH tăng nhanh với các loại hình sản phẩm đa dạng. Điều này đặt ra yêu cầu phải xây dựng được hệ thống các quy định của pháp luật để điều chỉnh có hiệu quả mối quan hệ hợp đồng này.

Để có hành lang pháp lý thì hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm và pháp luật hợp đồng ngày càng được hoàn thiện và củng cố, tạo cơ sở thuận lợi cho việc giao kết và thực hiện các HĐBHNT. Tuy nhiên, trước bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng cũng như thực trạng những tranh chấp về HĐBHNT ngày càng xảy ra phổ biến, pháp luật điều chỉnh loại hợp đồng này đã bộc lộ nhiều hạn chế do các quy định của pháp luật chưa phù hợp, các quy định mâu thuẫn về hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của NĐBH và người thụ hưởng chưa được quy định rõ, hay nhiều quy định vẫn chưa thực sự phù hợp với bản chất HĐBHNT (như quyền lợi có thể được bảo hiểm, chuyển nhượng HĐBH...).

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ*” là nhu cầu cần thiết hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về HĐBHNT, hạn chế cũng như giải quyết hiệu quả các tranh chấp xảy ra, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của cả người tham gia bảo hiểm lẫn DNBH, thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển nhanh và bền vững.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu trong nước về BHNT được biết tới qua một số công trình tiêu biểu sau:

- Luận án tiến sỹ Luật học trường Đại học Luật Hà Nội của NCS. Trần Vũ Hải (2014) về đề tài “*Pháp luật về kinh doanh BHNT ở Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn*”. Luận án đã đánh giá các quy định và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về loại hợp đồng này vẫn

còn khá khái quát, chưa đề cập nhiều đến thực tiễn các tranh chấp, thiếu đi những nội dung lý luận cần thiết phải làm rõ (như khái niệm, đặc trưng của HĐBHNT), nhiều lỗ hổng của pháp luật không được xem xét một cách đầy đủ...;

- Nguyễn Văn Tuyên (2011), “*Quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng khi tham gia quan hệ kinh doanh bảo hiểm*” đăng trên Tạp chí Luật học số 8 đã có nghiên cứu về vấn đề tài sản giữa vợ và chồng trong quan hệ bảo hiểm.

- Doãn Hồng Nhung (2014), *Phòng ngừa, ngăn chặn trục lợi từ HĐBH trong kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam*. Tác giả chỉ ra những dấu hiệu và những nguyên nhân cơ bản của hành vi trục lợi, từ đó cho rằng pháp luật còn nhiều kẽ hở, trong đó nhấn mạnh tới việc các chế tài xử lý còn thiếu và chưa đủ sức răn đe. Cũng liên quan đến trục lợi BHNT.

- Âu Thị Diệu Linh (2015), “*Các biện pháp pháp lý hạn chế trục lợi BHNT ở Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã đi sâu phân tích, làm rõ thực trạng trục lợi bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm và đại lý bảo hiểm, chỉ ra những tồn tại trong quá trình áp dụng các biện pháp pháp lý hạn chế trục lợi BHNT ở Việt Nam hiện nay

Các kết quả nghiên cứu đã đề cập trong các công trình nghiên cứu trên:

- Về mặt lý luận, hầu hết các công trình đều chưa đề cập đến khái niệm và đặc trưng của HĐBHNT. Trong khi có, cách tiếp cận đối với BHNT chưa làm rõ được bản chất và đặc điểm của loại hình bảo hiểm này. Việc phân tích lý luận thường theo quan điểm cá nhân, chưa tham khảo thấu đáo các cơ sở lý luận khác;

- Đã chỉ ra thực trạng các quy định của pháp luật về HĐBHNT là vấn đề được nhiều công trình tập trung nghiên cứu nhất trong số những nội dung khác của kinh doanh bảo hiểm nói chung và kinh doanh BHNT nói riêng. Tuy nhiên, đa số các công trình không đề cập trực tiếp, nghiên cứu sâu, tổng thể về HĐBHNT mà chỉ phân tích, đánh giá một số khía cạnh để làm nổi bật vấn đề cần nghiên cứu. Nhiều vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật cũng chưa được nhìn nhận một cách đầy đủ và đúng đắn.

Luận văn sẽ kế thừa một số nội dung sau: Khái niệm, đặc điểm của BHNT và HĐBHNT; một số đánh giá bất cập, vướng mắc trong quy định của pháp luật về HĐBHNT và một số thực tiễn các vụ tranh chấp liên quan đến HĐBHNT.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các đối tượng sau:

- Một số quan điểm khoa học đã được các tác giả cá nhân và tổ chức công bố trong các công trình nghiên cứu (sách, bài báo, công trình khoa học...) HĐBH nói chung và HĐBHNT nói riêng.

- Hệ thống các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và HĐBHNT bao gồm: LKDBH và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật khác có liên quan như BLDS và LTM.

- Thực tiễn áp dụng, thực hiện pháp luật thông qua những vụ việc tranh chấp HĐBHNT điển hình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Đề tài chỉ nghiên cứu HĐBHNT giữa các chủ thể mang quốc tịch Việt Nam hay được thành lập ở Việt Nam và phát sinh ở trong nước.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2015 đến năm 2018.

- Địa bàn nghiên cứu: Địa bàn cả nước.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

4.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các nhóm giải pháp để hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng, thực hiện pháp luật về HĐBHNT ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở luận giải các vấn đề lý luận, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành cũng như đánh giá thực tiễn thực hiện và áp dụng pháp luật.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích một số vấn đề lý luận về BHNT và HĐBHNT như khái niệm, những đặc trưng cơ bản, vai trò và phân loại trên cơ sở nghiên cứu nhiều quan điểm khác nhau.

- Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về HĐBHNT.

- Thu thập các hợp đồng, bản án, các vụ tranh chấp thực tiễn trên các phương tiện thông tin như website, sách báo...

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về HĐBHNT và thực tiễn áp dụng, thực hiện pháp luật, từ đó chỉ ra những vướng mắc, bất cập còn tồn tại và nguyên nhân làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế thị trường.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích được áp dụng phổ biến trong việc xây dựng các luận điểm theo từng nội dung của khóa luận, cụ thể là để phân tích vấn đề lý luận, nội dung các quy định của pháp luật và những vụ tranh chấp điển hình.

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để liên kết các nội dung đã phân tích, từ đó tạo ra hệ thống lý luận mới ở chương 1, chỉ rõ những vướng mắc và bất cập trong các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng chúng, làm cơ sở để xây dựng hệ thống các giải pháp ở chương 2.

- Phương pháp phân loại và hệ thống hóa được áp dụng trong cả chương 1 và chương 2 để sắp xếp nội dung quy định của các văn bản pháp luật khác nhau thành từng nhóm vấn đề cho phù hợp với mục đích nghiên cứu.

- Phương pháp so sánh luật học được áp dụng tương đối phổ biến trong quá trình phân tích các luận điểm, trong đó chủ yếu là để so sánh nội dung các quy định có cùng bản chất giữa những văn bản pháp luật với nhau.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng chủ yếu ở chương 1 để nhận diện, kế thừa một số nội dung nghiên cứu của những công trình khoa học đã công bố hoặc viện dẫn chúng để chứng minh cho từng luận điểm trong luận văn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Về lý luận, luận văn đã xây dựng một số khái niệm như bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; chỉ ra được những yếu tố tác động đến thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các nhóm giải pháp hoàn thiện các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010. Những đóng góp về lý luận có giá trị tham khảo cho các cơ quan lập pháp, trong nghiên cứu và giảng dạy.

- Về thực tiễn, luận văn đã chỉ ra được những hạn chế của pháp luật và áp dụng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Những nội dung làm cơ sở luận giải khoa học để sửa đổi một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010.

7. Kết cấu luận văn

Luận văn chia làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và khung pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trong kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Chương 3: Nhu cầu và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ TRONG KINH DOANH

1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

1.1.1. Khái niệm bảo hiểm nhân thọ

Dưới góc độ pháp lý “BHNT là loại hình nghiệp vụ bảo hiểm thương mại mà theo đó, DNBH cam kết trả một khoản tiền xác định theo thỏa thuận khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là NĐBH sống hoặc chết trong một thời gian nhất định, có gắn liền hoặc không gắn liền với quyền lợi đầu tư từ số phí bảo hiểm mà DNBH đã nhận, với điều kiện BMBH đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận”¹. Đây được xem là khái niệm khá hoàn thiện về BHNT, khái niệm đã chỉ ra loại hình bảo hiểm này mang tính thương mại và có tính sinh lời.

Giáo trình “Kinh tế bảo hiểm” của trường Đại học Công đoàn định nghĩa “BHNT là sự cam kết giữa DNBH và người tham gia bảo hiểm, mà trong đó DNBH sẽ trả cho người tham gia (hoặc người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm) một số tiền nhất định khi có những sự kiện đã định trước xảy ra (NĐBH bị chết hoặc sống đến một thời điểm nhất định), còn người tham gia bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn. Nói cách khác, BHNT là quá trình bảo hiểm rủi ro có liên quan đến tính mạng, cuộc sống, tuổi thọ và sự an toàn của con người”². Cách hiểu này có sự nhầm lẫn giữa các chủ thể tham gia bảo hiểm khi tách bạch giữa người tham gia bảo hiểm và người thụ hưởng, đồng thời lại đồng nhất NĐBH và mua bảo hiểm thành một.

Giữa bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ có sự khác biệt cơ bản:

Về đối tượng bảo hiểm nhân thọ là con người; còn bảo hiểm phi nhân thọ là con người, tài sản và trách nhiệm dân sự.

Về thời hạn bảo hiểm thì bảo hiểm nhân thọ có thời hạn kéo dài 5,10,20 năm hoặc trọn đời;

Về quyền lợi bảo hiểm

Về tính chất Bảo hiểm nhân thọ có tính đa mục đích

Như vậy, bảo hiểm nhân thọ quan tâm đến bảo vệ con người còn bảo hiểm phi nhân thọ nhằm hỗ trợ khi có rủi ro về con người, tài sản,...

¹ Trần Vũ Hải (2014), *Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 23.

² Trường Đại học Công đoàn (2006), *Giáo trình kinh tế bảo hiểm*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr. 252.

Về lịch sử thì loại bảo hiểm nhân thọ ra đời và phát triển từ rất lâu trên thế giới. Hình thức bảo hiểm nhân thọ đầu tiên ra đời năm 1583 ở Luân đôn. Do sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, cuộc sống của con người được cải thiện rõ rệt, thêm vào đó là sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật nên bảo hiểm nhân thọ đã có điều kiện phát triển trên phạm vi rộng lớn. Hiện nay, hầu hết các công ty bảo hiểm nhân thọ ở các nước trên thế giới đang triển khai 4 loại hình bảo hiểm nhân thọ sau :

Bảo hiểm sinh mạng có thời hạn.

Bảo hiểm trọn đời

Bảo hiểm trợ cấp hưu trí

Bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp

Bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp

Thời hạn bảo hiểm được xác định trước. Riêng loại hình này cũng rất phong phú, đa dạng như “Bảo hiểm nhân thọ có thời hạn, chương trình đảm bảo cho trẻ em đến tuổi trưởng thành (an sinh giáo dục), bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm cưới xin”.

Trên cơ sở làm rõ các thuật ngữ cấu thành, đồng thời nghiên cứu các quan điểm nêu trên, tác giả đưa ra khái niệm: “*BHNT là loại nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp NDBH sống hoặc chết, theo đó DNBH cam kết trả một khoản tiền theo thỏa thuận cho NDBH hoặc người thụ hưởng khi kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc khi có sự kiện rủi ro xảy ra với NDBH, trên cơ sở BMBH đóng phí bảo hiểm*”.

Khái niệm này được xây dựng dựa trên cơ sở hai yếu tố chính cấu thành mối quan hệ BHNT, bao gồm sự kiện bảo hiểm và quyền – nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia.

Về đặc điểm của BHNT, với bản chất là một loại hình bảo hiểm nên nó sẽ mang những đặc tính của bảo hiểm nói chung. Khi nghiên cứu về bảo hiểm, có quan điểm cho rằng cho rằng nó gồm ba yếu tố: (i) Tồn tại rủi ro và sự chuyển dịch rủi ro trong bảo hiểm; (ii) Hàm chứa sự chia nhỏ các tổn thất.; (iii) Tham gia bảo hiểm là cùng nhau san sẻ tổn thất³. Rủi ro chính là tiền đề của bảo hiểm, không có rủi ro sẽ không có bảo hiểm. Khi tham gia bảo hiểm, BMBH đóng trước cho DNBH một khoản phí, đổi lại họ cảm thấy an tâm hơn vì sẽ được bồi thường khi có tổn thất xảy ra. Mọi hoạt động bảo hiểm đều là quá trình chuyển rủi ro từ BMBH sang DNBH, và DNBH sẽ thay khách hàng chia nhỏ các tổn thất lớn thành tổn thất nhỏ hơn.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

³ Phạm Văn Tuyết (2007), *Bảo hiểm và Kinh doanh bảo hiểm theo pháp luật Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, , tr. 8-20.

1.1.2.1. Khái niệm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trong kinh doanh

Thứ nhất, khái niệm kinh doanh bảo hiểm

Như vậy, trong kinh doanh yếu tố “sinh lợi” là một trong những yếu tố bắt buộc để đảm bảo lợi ích cho các chủ thể. Trong lĩnh vực bảo hiểm thì một bên chủ thể là doanh nghiệp bảo hiểm luôn có yếu tố lợi nhuận còn bên kia (bên mua bảo hiểm) có thể có lợi nhuận hoặc không. Những tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm nói chung hoặc BHNT nói riêng các bên có thể thỏa thuận trọng tài thương mại. Điều 2 Luật trọng tài thương mại 2010 quy định thẩm quyền giải quyết “Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”.

Thứ hai, khái niệm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Thông qua đó, tác giả đưa ra khái niệm HĐBHNT như sau: “HĐBHNT là sự thỏa thuận giữa BMBH và DNBH, theo đó DNBH cam kết bảo hiểm cho tính mạng và tuổi thọ của NĐBH thông qua việc trả một khoản tiền như đã thỏa thuận trong HĐBH, cho NĐBH hoặc người thụ hưởng khi kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc khi có sự kiện rủi ro xảy ra với NĐBH, trên cơ sở BMBH đóng phí bảo hiểm”. Đây là khái niệm được xây dựng dựa trên nền tảng định nghĩa về hợp đồng quy định tại Điều 385 BLDS năm 2015, Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản có liên quan.

1.1.2.2. Đặc điểm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trong kinh doanh

Thứ nhất, những đặc điểm chung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

HĐBHNT có tính đền bù, trong đó mỗi bên trong hợp đồng đều có nghĩa vụ đối ứng với nhau, nhưng không xác định được ở thời điểm giao kết. Tức là, trong quá trình thực hiện HĐBHNT, các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận, quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Tuy nhiên, tính đền bù trong HĐBHNT thường không phát sinh ngay từ đầu mà hình thành sau khi hợp đồng được giao kết. Nói cách khác, khi HĐBH có hiệu lực, BMBH phải đóng phí bảo hiểm, nhưng phía DNBH không đương nhiên thực hiện việc chi trả bảo hiểm mà chỉ phát sinh nghĩa vụ này khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Bởi lẽ, rủi ro được bảo hiểm được xem là một nguy cơ tiềm ẩn không thể lường trước được;

Thứ hai, những đặc điểm riêng của HĐBHNT

Một là, HĐBHNT là hợp đồng dài hạn với đối tượng là tuổi thọ và tính mạng con người, có tính đa mục đích. Trong đó, đối tượng bảo hiểm

được xem là đặc điểm quan trọng và chi phối các đặc điểm khác của HĐBHNT⁴.

Hai là, HĐBHNT là hợp đồng mang tính may rủi, có sự chuyển dịch rủi ro. Theo PGS.TS Ngô Huy Cương: “... hợp đồng may rủi... có đặc điểm là sự tồn tại và hiệu lực một phần hay toàn bộ phụ thuộc vào một sự kiện ngẫu nhiên”⁵.

Ba là, một bên chủ thể trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ luôn hướng tới lợi nhuận, còn bên mua bảo hiểm hướng tới những lợi ích vật chất khi có sự kiện và điều kiện xảy ra.

Bốn là, HĐBHNT là một loại hợp đồng vô hình, mang tính dịch vụ. Theo đó, BMBH đóng phí bảo hiểm cho DNBH nhưng họ không chiếm hữu, sử dụng sản phẩm như khi mua hàng hóa thông thường vì không có bất cứ sự dịch chuyển tài sản và quyền sở hữu (hay sử dụng) nào ở đây.

1.1.3. Phân loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Các HĐBHNT có tính đa dạng cao về loại hình xuất phát từ mục đích của người tham gia và từ sự phong phú của các sản phẩm BHNT. Ngoài ra, HĐBHNT còn được phân loại theo nhiều tiêu chí khác.

Theo các sản phẩm BHNT cơ bản, HĐBHNT được chia thành: (i) HĐBH trọn đời; (ii) HĐBH sinh kỳ; (iii) HĐBH tử kỳ; (iv) HĐBH hỗn hợp; (v) HĐBH liên kết đầu tư; (vi) HĐBH hưu trí⁶.

Theo số lượng người tham gia bảo hiểm, HĐBHNT bao gồm⁷:

- HĐBHNT cá nhân: là hợp đồng mà theo đó chỉ có một cá nhân là NĐBH;

- HĐBHNT nhóm: là hợp đồng mà trong đó một nhóm cá nhân là những NĐBH. Sản phẩm bảo hiểm này thích hợp khi doanh nghiệp mua bảo hiểm cho người lao động hay công ty du lịch mua bảo hiểm cho khách hàng...

Theo sự kết hợp giữa BHNT và các dịch vụ ủy thác đầu tư do DNBH cung cấp, thì HĐBHNT có hai loại là⁸:

- HĐBHNT thuần túy: là sản phẩm bảo hiểm có đầy đủ các thuộc tính của BHNT, không kèm theo các quyền lợi riêng về đầu tư. Tức là, HĐBH này chủ yếu mang tính tiết kiệm hoặc phòng ngừa rủi ro, mục

⁴ Xem mục 1.1.1.1 tại trang 16.

⁵ PGS.TS Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng phần chung (dùng cho đào tạo sau đại học)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 212-213.

⁶ Xem mục 1.1.1.3 tại trang 18-19.

⁷ Trần Vũ Hải (2014), *Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 31-33.

⁸ Trần Vũ Hải (2014), *Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 32.

đích đầu tư (ví dụ như chia lãi) có thể có nhưng không phải là nội dung chính của hợp đồng.

- HĐBHNT liên kết đầu tư⁹.

*Theo thời điểm và mức độ cam kết trách nhiệm bảo hiểm thì HĐBHNT bao gồm HĐBH chính thức và HĐBH tạm thời*¹⁰.

- HĐBHNT chính thức: chứa đựng sản phẩm BHNT được DNBH cung cấp bởi cơ sở pháp lý là một hợp đồng có hiệu lực giữa BMBH và DNBH;

- HĐBHNT tạm thời: là hợp đồng mà DNBH cung cấp cho BMBH trong khoảng thời gian từ khi BMBH ký vào hợp đồng, đã nộp phí bảo hiểm cho đến khi DNBH chính thức chấp nhận bảo hiểm. Theo đó, nếu DNBH chết trong thời gian DNBH xem xét đồng ý bảo hiểm thì DNBH sẽ trả một khoản tiền theo cam kết với BMBH. Hiệu lực của HĐBHNT tạm thời chấm dứt ngay khi DNBH chấp nhận bảo hiểm bằng cách ký vào hợp đồng (chuyển sang HĐBH chính thức).

Theo thời hạn hợp đồng, HĐBHNT gồm HĐBHNT dài hạn (trên 1 năm) và HĐBHNT ngắn hạn (không quá 1 năm). HĐBHNT ngắn hạn thường là các hợp đồng gắn với sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn hoặc ốm đau, chi phí phẫu thuật...). Ngược lại, HĐBHNT dài hạn gắn với những sản phẩm BHNT chính như bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm sinh kỳ... đã phân tích.

1.2. Khung pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

1.2.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Chủ thể là một trong các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật cũng như quan hệ hợp đồng. Theo quy định của LKDBH, chủ thể tham gia HĐBHNT bao gồm: DNBH: là bên đã nhận phí bảo hiểm của BMBH và cam kết nhận rủi ro bảo hiểm về phía mình. Theo pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, bên bảo hiểm chỉ có thể là một tổ chức có tư cách pháp nhân và được phép hoạt động kinh doanh bảo hiểm, gọi chung là DNBH. Đối với BMBH chính là việc họ phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm, tức là BMBH chỉ có thể mua BHNT cho một số đối tượng nhất định theo Điều 31 LKDBH.

1.2.2. Nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Về mặt lý luận, nội dung của hợp đồng nói chung và HĐBHNT nói riêng là các điều khoản do các bên thỏa thuận và pháp luật quy định, qua

⁹ Xem thêm mục 1.1.1.3 tại trang 19.

¹⁰ Trần Vũ Hải (2014), *Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 33.

đó xác định phạm vi quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Cụ thể, Điều 14 LKDBH quy định HĐBH phải có những nội dung:

- Tên, địa chỉ của DNBH, BMBH, NĐBH hoặc người thụ hưởng;
 - Đối tượng bảo hiểm: Đối tượng của HĐBHNT là tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe, tai nạn (đối với sản phẩm bảo hiểm bổ trợ) của NĐBH;
 - Số tiền bảo hiểm: là số tiền mà DNBH sẽ trả cho NĐBH hoặc người thụ hưởng khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
 - Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm;
 - Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm
 - Thời hạn bảo hiểm;
 - Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm
- Phương thức đóng bảo hiểm tùy theo thỏa thuận theo tháng, quý, năm hoặc một lần.

- Thời hạn, phương thức trả tiền bảo hiểm.
- Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng và phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

1.2.3. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Về trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng thì về mặt lý luận, có thể hiểu vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng nội dung nghĩa vụ. Khi đó, chủ thể có những hành vi này phải chịu trách nhiệm hợp đồng với bên có quyền¹¹. Nguyên tắc chung, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng phát sinh trên cơ sở quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên kết ước. Cơ sở của trách nhiệm hợp đồng bao gồm các yếu tố: (i) Có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; (ii) Bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng có lỗi; (iii) Quan hệ nhân quả giữa vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và thiệt hại xảy ra là cơ sở của trách nhiệm bồi thường thiệt hại¹².

1.3. Những yếu tố tác động đến thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

1.3.1. Yếu tố pháp luật

Trong nền kinh tế thị trường thì mức độ hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một trong những yêu cầu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chính là sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Các văn bản pháp luật liên quan đến hợp đồng kinh doanh bảo hiểm nói chung và BHNT nói riêng rất đa dạng như Luật Thương mại, Bộ Luật dân sự, Luật kinh doanh bảo hiểm,...

¹¹ Khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

¹² TS. Nguyễn Ngọc Khánh (2007), Chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 355-432.

Chính vì vậy, nếu hệ thống pháp luật có liên quan đến giao kết, thực hiện hợp đồng BHNT không hoàn thiện, thì chất lượng áp dụng pháp luật sẽ không cao, thậm chí không thực hiện được. Vì vậy, để thực thi các quy định của pháp luật về hợp đồng BHNT đòi hỏi phải có sự đảm bảo về pháp lý, bao gồm sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật thực định; sự hoàn thiện của cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật; ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý của cán bộ, công chức và công dân có liên quan khi xác lập quan hệ hợp đồng.

1.3.2. Yếu tố thực thi pháp luật

Một là, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về KDBH và hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Hai là, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong xã hội; công tác tổ chức và chất lượng hoạt động của cơ quan áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng BHNT; năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham gia áp dụng pháp luật; chất lượng của các văn bản áp dụng pháp luật. Điều này cho thấy có sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật thì hoạt động áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng BHNT¹³. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện hợp đồng BHNT.

1.3.3. Yếu tố kinh tế, xã hội

Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường thì các chủ thể tìm nhiều phương thức phòng tránh rủi ro trong đó có lựa chọn mua bảo hiểm. Thông qua việc đóng bảo hiểm định kỳ, bên mua bảo hiểm (hay bên thụ hưởng) mong muốn được nhận bảo hiểm khi có những sự kiện xảy ra hoặc đến thời hạn nhất định. Bên bán bảo hiểm sử dụng các khoản tiền này phục vụ cho các hoạt động kinh doanh. Yếu tố kinh tế luôn là mục đích mà hai bên hướng tới khi tham gia hợp đồng BHNT. Vì thế sự tác động của yếu tố kinh tế là yếu tố quan trọng nhất đối với các chủ thể.

¹³ Trần Văn Duy (2016), *Áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng*, Tạp chí Kinh tế Thế giới, số tháng 8/2007, tr.17-18.

Kết luận chương 1

Trong nội dung chương 1 của luận văn, tác giả đã tập trung nghiên cứu, hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản nhất về HĐBHNT, đồng thời phân tích các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến loại HĐBH này.

- Xây dựng những nội dung lý luận cần thiết cho việc nghiên cứu như Khái niệm, đặc điểm và vai trò của BHNT. Trên cơ sở phân tích, đánh giá các quan điểm khác nhau, tác giả khóa luận đã xây dựng khái niệm chung nhất về BHNT, làm cơ sở cho việc phân tích đặc điểm của loại hình bảo hiểm này. Cùng với đó, tác giả đứng trên nhiều phương diện để chỉ ra những vai trò to lớn của BHNT đối với nền kinh tế cũng như đời sống xã hội;

- Khái niệm, đặc điểm của HĐBHNT; với khái niệm BHNT đã được xây dựng, kết hợp nghiên cứu tính chất của hợp đồng nói chung và một vài khái niệm có liên quan, tác giả đã đưa ra khái niệm HĐBHNT, từ đó làm rõ các đặc điểm chính của loại HĐBH này và các loại hình BHNT và phân loại HĐBHNT.

- Luận văn đã đưa ra khung pháp luật về hợp đồng BHNT và các yếu tố tác động đến thực hiện hợp đồng BHNT làm cơ sở cho việc nghiên cứu ở các chương sau.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

2.1 Thực trạng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

2.1.1. Các quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

2.1.1.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Chủ thể là một trong các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật cũng như quan hệ hợp đồng. Theo quy định của LKDBH, chủ thể tham gia HĐBHNT bao gồm:

- Doanh nghiệp bảo hiểm: là bên đã nhận phí bảo hiểm của BMBH và cam kết nhận rủi ro bảo hiểm về phía mình.

- Bên mua bảo hiểm: là chủ thể tham gia giao kết HĐBH với DNBH và đóng phí bảo hiểm, họ có thể đồng thời là NĐBH hoặc người thụ hưởng.

Bên được bảo hiểm (không đồng thời là bên mua bảo hiểm): Để tham gia bảo hiểm nhân thọ thì nhìn chung, người được bảo hiểm phải

đáp ứng được ba tiêu chí sau: Giới hạn về nhóm tuổi, thường là từ 0 tháng đến 65 tuổi. Giới hạn độ tuổi để đảm bảo số năm đóng bảo hiểm, nếu tuổi quá cao thì rủi ro nhiều cho doanh nghiệp.

2.1.1.2. Nội dung và hình thức của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Thứ nhất, nội dung cơ bản của HĐBHNT

Thứ hai, hình thức của HĐBHNT phải được thể hiện bằng văn bản

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là hợp đồng theo mẫu nên có những hạn chế nhất định cho bên mua bảo hiểm và bên thụ hưởng. Vì vậy, khi tham gia bảo hiểm, ngoài giải thích của nhân viên tư vấn thì bên mua nghiêm cứu kỹ các điều khoản của hợp đồng.

2.1.1.3. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Sự vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại của một bên trong quan hệ hợp đồng sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích vật chất của bên kia. Vì vậy, Điều 360 BLDS năm 2015 quy định về nguyên tắc, nếu không có thỏa thuận khác, trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Việc xác định loại trách nhiệm này phải dựa trên các yếu tố sau đây¹⁴:

- Có hành vi vi phạm HĐBHNT
- Có thiệt hại xảy ra
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm HĐBHNT với thiệt hại xảy ra

- Bên gây thiệt hại có lỗi

Phạt vi phạm hợp đồng

Phạt vi phạm được hiểu là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. Mức phạt vi phạm có thể được tính bằng một khoản tiền cụ thể hoặc theo tỷ lệ tương ứng với giá trị của hợp đồng và phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên cũng như quy định của pháp luật.

Đình chỉ thực hiện hợp đồng và hủy bỏ hợp đồng

Đình chỉ thực hiện hợp đồng và hủy bỏ hợp đồng cũng là một trong những chế tài được áp dụng trong trường hợp có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

2.1.2.1. Ưu điểm

Nhìn chung, pháp luật về HĐBHNT đã phần nào tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng, tránh trường hợp nằm rai rác ở những văn bản

¹⁴ Cơ sở pháp lý là các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005.

pháp luật khác nhau. Các quy định của pháp luật về HĐBHNT đã cơ bản điều chỉnh khá đầy đủ các khía cạnh của loại hợp đồng này, từ điều kiện có hiệu lực, nội dung và hình thức hợp đồng đến việc giao kết, thực hiện hợp đồng và trách nhiệm của các chủ thể khi xảy ra hành vi vi phạm. Đặc biệt, những nội dung cốt lõi, đặc trưng của HĐBHNT cũng đã được đề cập đến như quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin, quyền lợi có thể được bảo hiểm hay trách nhiệm thông báo tuổi trong hợp đồng...

2.1.2.2. Những điểm còn tồn tại

Thứ nhất, về quyền lợi có thể được bảo hiểm

Thứ hai, về trách nhiệm cung cấp thông tin và thông báo tuổi

Thứ ba, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Thứ tư, nghĩa vụ giải thích hợp đồng

Thứ năm, về đăng ký hợp đồng theo mẫu

2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam

2.2.1. Về chủ thể của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Như đã phân tích, người tham gia bảo hiểm bao gồm BMBH, NĐBH và người thụ hưởng. Tuy nhiên, LKDBH hiện nay chỉ mới tập trung làm rõ quyền và nghĩa vụ của BMBH trong HĐBHNT mà chưa dành các quy định tương ứng cho NĐBH và người thụ hưởng, dù đây là hai đối tượng quan trọng trong hợp đồng, đặc biệt khi người tham gia bảo hiểm là những chủ thể độc lập. Lúc này, với tư cách là bên thứ ba hưởng lợi ích trong hợp đồng, NĐBH và người thụ hưởng hoàn toàn có quyền yêu cầu DNBH trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, chấp nhận hay từ chối tham gia hợp đồng. Và đương nhiên đi kèm với đó là những nghĩa vụ nhất định (như nghĩa vụ cung cấp thông tin, thông báo khi xảy ra sự kiện bảo hiểm...). Việc thiếu vắng quy định về vấn đề này rõ ràng sẽ gây ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cũng như bảo vệ lợi ích của các chủ thể nêu trên.

2.2.2. Về thực hiện nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

* Vướng mắc trong việc xác định thông tin đối tượng của của hợp đồng

* *Vướng mắc trong xác định quan hệ hợp đồng và Luật áp dụng*

2.2.3. Về xác định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Thông qua việc phân tích, đánh giá những vụ tranh chấp HĐBHNT trên thực tế, có thể nhận thấy rằng việc áp dụng các quy định của pháp luật về loại HĐBH này vẫn còn phát sinh nhiều vướng mắc, bất cập sau đây:

Thứ nhất, tồn tại hai hướng xử lý khác nhau về cùng một hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật.

Thứ hai, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và cả các bên hợp đồng còn nhầm lẫn trong việc xác định một hành vi có phải vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin hay không.

Thứ ba, chưa xử lý được trường hợp BMBH không cung cấp thông tin bổ sung khi có thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Thứ tư, việc xử lý trường hợp khai báo không chính xác thông tin khi giao kết và thực hiện hợp đồng chưa thực sự bảo vệ được lợi ích chính đáng của BMBH.

Thứ năm, việc lựa chọn pháp luật điều chỉnh HĐBHNT còn có sự nhầm lẫn khi cơ quan có thẩm quyền cho rằng, nếu BMBH không nhằm mục đích kiếm lời thì HĐBH ký kết là hợp đồng dân sự và phải áp dụng các quy định về hợp đồng trong BLDS năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

2.2.4. Nguyên nhân của những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam

2.2.4.1. Nguyên nhân từ quy định của pháp luật

Một là, nhiều quy định trong LKDBH, BLDS năm 2015 và văn bản pháp luật có liên quan mang tính chung chung, thiếu rõ ràng, không phù hợp với thực tế, trong khi lại thiếu sự hướng dẫn kịp thời, điều này gây nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật của các chủ thể hợp đồng và cả cơ quan giải quyết tranh chấp.

Hai là, bên cạnh những quy định không rõ ràng, nhiều quy phạm điều chỉnh HĐBHNT có sự thiếu thống nhất với nhau. Điển hình nhất là cùng một loại hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nhưng có thể dẫn đến những hậu quả pháp lý trái ngược nhau.

Ba là, nhiều vấn đề quan trọng của HĐBHNT chưa có điều luật quy định (như quyền và nghĩa vụ của NĐBH, người thụ hưởng; nghĩa vụ kiểm tra, xác minh thông tin của DNBH trước khi giao kết hợp đồng...). Khi đó, hiệu quả áp dụng pháp luật về HĐBHNT sẽ không cao, nhiều tranh chấp sẽ không được giải quyết triệt để.

2.2.4.2. Nguyên nhân từ việc thực hiện pháp luật

- *Một là, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp*
- *Hai là, do doanh nghiệp bảo hiểm*
- *Ba là, do người tham gia bảo hiểm*

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả đã tập trung phân tích hai nội dung chính, đó là thực trạng pháp luật về HĐBHNT và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này. Thông qua đó, có thể rút ra được những kết luận sau:

- Trên cơ sở nội dung quy định của BLDS năm 2015, LTM năm 2005, LKDBH và những văn bản hướng dẫn, tác giả đã chỉ ra những tồn tại, bất cập trong hệ thống các quy định về HĐBHNT, chẳng hạn như: (i) Mâu thuẫn trong quy định về hậu quả pháp lý của hành vi cung cấp thông tin sai sự thật; (ii) Không có quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của NĐBH và người thụ hưởng; (iii) Nhiều trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của DNBH và quyền lợi có thể được bảo hiểm phát sinh trên thực tế chưa có quy phạm điều chỉnh; (iv) Một số nội dung liên quan đến chuyển nhượng hợp đồng chưa được làm rõ như điều kiện, thủ tục chuyển nhượng... và những hạn chế cụ thể khác.

- Bên cạnh phân tích thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành, tác giả còn viện dẫn những vụ việc tranh chấp về HĐBHNT trên thực tế. Từ đó, chỉ ra rằng trong quá trình áp dụng pháp luật, các bên tham gia hợp đồng và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: (i) Lúng túng trong việc giải quyết hậu quả pháp lý của hành vi cung cấp thông tin sai sự thật; (ii) Chưa xác định được chính xác có hay không hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin; (iii) Không có cơ sở pháp lý xử lý trường hợp không cung cấp thông tin bổ sung khi có thay đổi so với thời điểm giao kết trong quá trình thực hiện hợp đồng của BMBH, cũng như trường hợp DNBH không kiểm tra, xác minh thông tin mà BMBH cung cấp; (iv) Việc xác định thiệt hại để yêu cầu bồi thường còn khó khăn, nhiều thiệt hại thực tế không thể yêu cầu bồi thường; (v) Tồn tại sự nhầm lẫn trong lựa chọn pháp luật điều chỉnh HĐBHNT; (vi) Cơ quan có thẩm quyền thường đưa ra nhận định có lợi cho người tham gia bảo hiểm, nhiều trường hợp chưa xem xét khách quan, toàn diện các tình tiết và chứng cứ chứng minh.

Từ thực tiễn vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật, tác giả chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó chủ yếu do sự chưa hoàn thiện trong các quy định của pháp luật về HĐBHNT, bên cạnh đó còn có nguyên nhân xuất phát từ khả năng nhận thức và áp dụng pháp luật của DNBH, người tham gia bảo hiểm và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp cũng như những lý do mang tính thực tiễn khác (sự yếu kém trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo đội ngũ người có thẩm quyền...);

- Cùng với những kết quả nghiên cứu về lý luận và pháp luật ở chương 1, những phân tích, đánh giá về thực trạng pháp luật hiện hành điều chỉnh HĐBHNT và thực tiễn áp dụng ở chương 2 là những căn cứ để tác giả xây dựng các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật. Ở phần này, tác giả đã chỉ ra ba nhu cầu bức thiết trong việc hoàn thiện quy định của pháp luật về HĐBHNT, đó là nhu cầu sửa đổi bổ sung pháp luật để điều chỉnh hiệu quả mối quan hệ HĐBHNT, thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và cuối cùng là đáp ứng yêu cầu khách quan của nền kinh tế và nhu cầu hội nhập quốc tế.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

3.1.1. Bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hợp đồng

Pháp luật được hoàn thiện cũng sẽ tạo điều kiện cho các DNBH và người tham gia bảo hiểm nhận thức đầy đủ các quy phạm điều chỉnh HĐBHNT, cách thức giao kết và thực hiện hợp đồng cũng như quyền và nghĩa vụ cơ bản của mình, từ đó tuân thủ đúng giao ước. Khi tranh chấp phát sinh, họ sẽ dễ dàng trong việc xác định hành vi vi phạm, biết được làm thế nào để bảo vệ tối đa quyền lợi chính đáng của mình. Hơn nữa, bản thân cơ quan có thẩm quyền cũng thuận lợi trong quá trình giải quyết đúng đắn các tranh chấp về loại hợp đồng này. Thông qua đó, quan hệ HĐBHNT sẽ đi vào ổn định, hạn chế đến mức thấp nhất những tranh chấp phát sinh.

3.1.2. Cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

- Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI¹⁵ chủ trương trong thời gian tới, cần phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các DNBH thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020¹⁶ đưa ra một trong những mục tiêu cụ thể là xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tạo thuận lợi cho sự phát triển của thị trường, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam..

3.1.3. Đáp ứng yêu cầu khách quan của nền kinh tế và hội nhập quốc tế

Chủ trương đổi mới và phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã thừa nhận và mở rộng quyền tự do kinh doanh cho các chủ thể, tạo điều kiện phát triển kinh tế đất nước.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật

** Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của NĐBH và người thụ hưởng*

Quy định rõ các quyền và nghĩa vụ của NĐBH, bao gồm các quyền: (i) Từ chối tham gia HĐBHNT với tư cách là NĐBH; (ii) Đồng ý hoặc không đồng ý với sự chỉ định hoặc thay đổi người thụ hưởng của BMBH; (iii) Yêu cầu DNBH chi trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Đồng thời, NĐBH phải có trách nhiệm: (i) Khai báo trung thực các thông tin liên quan đến tuổi và tình trạng sức khỏe của bản thân theo yêu cầu của BMBH; (ii) Thực hiện các xét nghiệm y khoa theo yêu cầu của DNBH, tuân thủ chỉ dẫn của bác sỹ trong khám, chữa bệnh; (iii) Thông báo cho DNBH khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

** Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền lợi có thể được bảo hiểm*

** Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin và hậu quả pháp lý của hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật*

** Sửa đổi, bổ sung và ban hành văn bản hướng dẫn nội dung quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*

** Bổ sung hoặc ban hành văn bản hướng dẫn quy định về cách hiểu một số thuật ngữ liên quan đến HĐBHNT*

** Bổ sung nội dung quy định về chuyển nhượng HĐBHNT*

** Sửa đổi quy định về nghĩa vụ thông báo tuổi trong HĐDBHNT và quy định về giải thích hợp đồng*

** Sửa đổi Điều 35 khoản 2 LKDBH đảm bảo tính tiết kiệm của HĐBHNT khi hợp đồng đã có giá trị hoàn lại.*

¹⁶ Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

** Sửa đổi, bổ sung quy định về trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm*

** Sửa đổi và ban hành văn bản hướng dẫn nội dung quy định về trách nhiệm khi vi phạm HĐBHNT*

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

** Về phía nhà nước*

Thứ nhất, cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến kết hợp với hướng dẫn áp dụng pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nói chung và HĐBHNT nói riêng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật về HĐBHNT. Tức là, việc xây dựng, ban hành chính sách pháp luật về loại hợp đồng này cần phải được tiến hành kỹ lưỡng trên cơ sở tổng kết thực tiễn, sự tương thích trong hệ thống pháp luật và tham khảo kinh nghiệm của các nước.

Thứ ba, tăng cường trình độ, năng lực gắn liền với việc bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ Tòa án, Viện kiểm sát....

Thứ tư, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm trong giao kết, thực hiện HĐBHNT.

** Về phía DNBH*

Thứ nhất, nâng cao trình độ nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nói chung và HĐBHNT nói riêng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác xác minh, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, tư vấn khách hàng... thông qua việc tổ chức các buổi tập huấn, các chương trình giới thiệu sản phẩm... Xây dựng nhóm chuyên gia pháp lý để giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề pháp lý phát sinh.

Thứ hai, nghiên cứu cải tiến các điều khoản, quy tắc trong HĐBH theo hướng đảm bảo hài hòa lợi ích của DNBH và BMBH, tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Thứ ba, quy định rõ các biện pháp chế tài, xử phạt trong nội bộ doanh nghiệp, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, trục lợi bảo hiểm.

Thứ tư, thường xuyên kiểm tra tình trạng sức khỏe, bệnh lý của NDBH thông qua các hoạt động như: (i) Yêu cầu tư vấn viên báo cáo tình trạng sức khỏe của NDBH; (ii) Yêu cầu BMBH, NDBH cung cấp các giấy tờ tùy thân; (iii) Kiểm tra chữ ký của BMBH trên Giấy yêu cầu bảo hiểm; (iv) Kiểm tra sức khỏe của NDBH trong những trường hợp cần thiết theo quy định đánh giá rủi ro nội bộ của DNBH.

** Về phía người tham gia bảo hiểm*

Khi tham gia HĐBHNT, cần phải nghiên cứu kỹ quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và hợp đồng, quyết định lựa chọn sản phẩm BHNT phù hợp trên cơ sở nghiên cứu, so sánh đầy đủ các đặc tính giữa các loại hình BHNT và nhu cầu của bản thân, gia đình. Khai báo đầy đủ, trung thực những thông tin cần thiết để giao kết và thực hiện hợp đồng. Kiểm tra lại những nội dung đã kê khai, đọc kỹ nội dung điều khoản hợp đồng trước khi ký kết, chủ động hỏi nhân viên bảo hiểm những nội dung chưa rõ. Tuyệt đối tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng trong quá trình thực hiện.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã nghiên cứu các định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trong kinh doanh. Những định hướng là cơ sở để tiếp cận hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp về hợp đồng.

Trong chương này luận văn đã xây dựng hai nhóm giải pháp chính nhằm đáp ứng yêu cầu trên:

Nhóm các giải pháp về mặt lập pháp tập trung sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản hướng dẫn nội dung các quy định của pháp luật về HĐBHNT, tập trung chủ yếu ở LKDBH như: Quy định thống nhất hậu quả pháp lý của hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật; Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của NĐBH và người thụ hưởng; Sửa đổi quy định quyền lợi có thể được bảo hiểm của BMBH theo hướng phù hợp với bản chất HĐBHNT và một số giải pháp khác;

Nhóm các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các quy định của pháp luật về HĐBHNT từ phía nhà nước, DNBH và cả người tham gia bảo hiểm. Trong đó trọng tâm là nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết về pháp luật hợp đồng, pháp luật kinh doanh bảo hiểm và về nghiệp vụ BHNT cho đội ngũ người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, đội ngũ nhân viên của DNBH và chính bản thân người tham gia bảo hiểm. Một số nội dung cụ thể như tăng cường tuyên truyền pháp luật, đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho thẩm phán, xây dựng quy trình đánh giá rủi ro chặt chẽ, đảm bảo hiểu rõ nội dung hợp đồng trước khi ký kết...

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn, chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

1. Đã xây dựng khái niệm BHNT, chỉ ra các đặc điểm và làm rõ vai trò của BHNT đối với nền kinh tế cũng như đời sống xã hội. Từ đó, đưa ra cách hiểu về HĐBHNT, nhận diện được những đặc trưng cơ bản và cách phân loại loại HĐBH này. Đồng thời, tác giả còn phân tích các cơ sở cho việc hình thành các quy định của pháp luật về HĐBHNT. Việc xây dựng nội dung lý luận có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc đánh giá các quy định pháp luật trên thực tiễn, làm tiền đề cho những đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

2. Phân tích nội dung quy định của pháp luật hiện hành về HĐBHNT, được quy định chủ yếu trong LKDBH và các văn bản hướng dẫn, BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 và. Ba nhóm nội dung chính được đề cập bao gồm điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, giao kết – thực hiện hợp đồng và trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng. Qua đó nhận thấy rằng, pháp luật về HĐBHNT cơ bản đã có những quy định khá cụ thể và đầy đủ. Nội dung nghiên cứu ở phần này sẽ là tiền đề giúp đánh giá toàn diện, chính xác hơn về thực trạng pháp luật hiện nay.

3. Phân tích thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật trên cơ sở đó nhận diện được nhiều hạn chế trong các quy định như: mâu thuẫn trong xử lý hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật, thiếu quy định về quyền và nghĩa vụ NĐBH và người thụ hưởng, quy định về chuyển nhượng hợp đồng và quyền lợi có thể được bảo hiểm chưa phù hợp với bản chất BHNT... Đồng thời, tác giả đã dẫn chứng một số tranh chấp HĐBHNT trên thực tế để chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về loại HĐBH này vào thực tiễn và làm rõ nguyên nhân của tình trạng đó.

4. Đã đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về HĐBHNT là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay với yêu cầu bám sát vào những định hướng như chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của nhà nước về phát triển thị trường bảo hiểm, đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế, yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn hiện nay cũng như điều chỉnh hiệu quả quan hệ BHNT. Trên cơ sở đó, tác giả xây dựng các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về HĐBHNT trên thực tiễn, bao gồm: (i) Nhóm giải pháp về mặt lập pháp tập trung sửa đổi, bổ sung và ban hành văn bản hướng dẫn nội dung một số quy định như về trách nhiệm cung cấp thông tin và hậu quả pháp lý, quyền lợi có thể được bảo hiểm, trách nhiệm khi có hành vi

vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, trách nhiệm thông báo tuổi, chuyển nhượng HĐBH và một số nội dung khác; (ii) Nhóm giải pháp về mặt thực tiễn chủ yếu tập trung nâng cao nhận thức pháp luật của các bên tham gia hợp đồng, nhân viên bảo hiểm và người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, trong đó trọng tâm là tuyên truyền, phổ biến kết hợp đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ và kiến thức pháp luật của các chủ thể này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Bộ Tài chính, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Chính phủ, Nghị định số 100-Cp ngày 18 tháng 12 năm 1993 về Kinh doanh bảo hiểm.

3. Chính phủ, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

4. Quốc hội, Bộ luật Dân sự năm 1995.

5. Quốc hội, Bộ luật Dân sự năm 2005.

6. Quốc hội, Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Quốc hội, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000

8. Quốc hội, Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi, bổ sung năm 2010.

9. Quốc hội, Luật Thương mại năm 2005.

10. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số 61/2015/DS-PT ngày 15/01/2015 về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

11. Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số 59/2007/KDTM-PT ngày 25/6/2007 về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

12. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 về Chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG VIỆT

13. Cục quản lý giám sát - Trung tâm nghiên cứu và đào tạo bảo hiểm, Giáo trình Đại lý bảo hiểm cơ bản (Dự thảo tháng 04 năm 2013), Nxb Tài chính, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng trung ương Đảng, Hà Nội.

16. Đặng Quang Tùng (2012), Hoạt động đầu tư tài chính tại Tổng công ty bảo hiểm nhân thọ, Luận văn thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Đại học quốc gia Hà Nội, Đà Lạt.

17. Lê Phương Thảo (2012), Giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và vấn đề vô hiệu của hợp đồng, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

18. Ngân Nga (2016), Khách hàng thắng kiện công ty BHNT <http://plo.vn/phap-luat/khach-hang-thang-kiem-cong-ty-bao-hiem-nhan-tho-618479.html>, truy cập thứ hai ngày 26/2/2018.

19. Nguyễn Hương Thu (2003), Pháp luật và các điều khoản mẫu áp dụng trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

20. Ngô Huy Cương (2013), Giáo trình Luật hợp đồng phần chung (dùng cho đào tạo sau đại học), NXb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

21. Phí Thị Quỳnh Nga (2006), Pháp luật về giao dịch BHNT ở Việt Nam, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

22. Tâm Lua (2016), Công ty Dai-ichi Life thua kiện, bồi thường hơn 765 triệu đồng, <https://tuoitre.vn/cong-ty-daiichi-life-thua-kiem-boi-thuong-hon-765-trieu-dong-1111609.htm>, truy cập thứ năm ngày 8/3/2018.

23. Nguyễn Ngọc Khánh (2007), Chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

24. Phạm Văn Tuyết (2007), Bảo hiểm và Kinh doanh bảo hiểm theo pháp luật Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

25. Trần Vũ Hải (2014), Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

26. Trịnh Thị Bích Thủy (2014), BHNT theo pháp luật Việt Nam, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

27. Trung tâm từ điển học - Viện Ngôn ngữ học (2003), Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

28. Trường Đại học Công đoàn (2006), Giáo trình kinh tế bảo hiểm, Nxb Lao động, Hà Nội.

29. Vũ Văn Mẫu (1963), Việt Nam Dân luật Lược khảo, Quyển II – Nghĩa vụ và Khế ước, In lần thứ nhất, Nxb Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.